

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;  
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam xin công bố “Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trước và sau kiểm toán tại thời điểm 30/06/2018 như sau:

**I. Biến động lợi nhuận sau thuế tại thời điểm 30/06/2018 trước và sau kiểm toán**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Báo cáo trước kiểm toán	Báo cáo sau kiểm toán	Chênh lệch Tuyệt đối	Nguyên nhân tăng/ giảm
1	Doanh thu hoạt động	90.578.068.470	90.578.068.470	0	
2	Chi phí hoạt động	29.757.845.299	36.652.156.990	(6.894.311.691)	Trích bổ sung dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.231.977.139	1.231.977.139	0	
4	Chi phí hoạt động tài chính	475.695.733	475.695.733	0	
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.253.662.451	28.253.662.451	0	
6	Thu nhập khác	246.870.701	246.870.701	0	
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.578.712.827	26.684.401.136	6.894.311.691	Trích bổ sung dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.973.802.765	5.594.940.427	1.378.862.338	Điều chỉnh do trích bổ sung dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ
9	Lợi nhuận kế toán sau thuế	26.604.910.062	21.089.460.709	5.515.449.353	Điều chỉnh do trích bổ sung dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ và thuế thu nhập doanh nghiệp.



## I. Biến động lợi nhuận sau thuế thời điểm 30/06/2018 và 30/06/2017

### 1. Chỉ tiêu thay đổi so với cùng kỳ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	30/06/2018	30/06/2017	Chênh lệch
1	Tổng doanh thu	90.587.068.470	102.113.312.722	(11.526.244.252)
2	Tổng chi phí	64.905.819.441	51.093.254.960	13.812.564.481
3	Kết quả hoạt động	25.681.249.029	51.020.057.762	(25.338.808.733)
4	Kết quả hoạt động tài chính	756.281.406	799.219.506	(42.938.100)
5	Kết quả hoạt động khác	246.870.701	23.588.755	233.281.946
6	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.594.940.427	0	5.594.940.427
7	Lợi nhuận sau thuế	21.089.460.709	51.842.866.023	(30.753.405.314)

### 2. Nguyên nhân

Lợi nhuận sau thuế của Công ty tại thời điểm 30/06/2018 so với 30/07/2017 giảm 30.753.405.314 (tương ứng giảm 40,7%) nguyên nhân chủ yếu do các khoản mục chính sau:

#### Ảnh hưởng

#### Tuyệt đối VNĐ

Khoản mục có biến động chủ yếu	
Giảm Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	(4,978,309,890)
Tăng Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	8,023,374,178
Tăng Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	2,132,034,888
Tăng lãi từ các tài sản tài chính AFS	3,589,160,000
Giảm Doanh thu nghiệp vụ kinh doanh	(20,292,503,428)
Tăng lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	4,622,799,742
Tăng Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay	10,896,752,060
Tăng Chi phí hoạt động kinh doanh	9,523,001,560



Giảm Doanh thu hoạt động tài chính	(42,938,100)
Tăng chi phí quản lý công ty chứng khoán	7,901,890,439
Tăng Thu nhập khác	223,281,946
Tăng chi phí thuế TNDN hiện hành	5,594,940,427
	<b>(30,753,405,314)</b>

Chúng tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận: như trên;  
Lưu: Phòng HCNS, KTTT.



**ĐINH NGỌC PHƯƠNG**



